

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-7-2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

“chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình “chia tài sản sau khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 01/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-DS ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị P, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: Thôn Đ, xã T nay là thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng)

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề nghị phân chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đào Thị P trình bày: Tại Quyết định dân sự sơ thẩm số 244/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã giải quyết cho chị và anh Đ được thuận tình ly hôn. Về tài sản chị và anh Đ xin tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn xong phía anh Đ không thiện chí chia tài sản cho chị. Tài sản của vợ chồng phát triển được gồm:

Chị và anh Đ kết hôn năm 1997, sau khi cưới vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng, năm 1999 gia đình chồng cho vợ chồng ra ở riêng và vợ chồng được gia đình chồng cho 550,8m² đất ở và đất vườn, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 07/6/2002 vợ chồng chị được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, trong đó có 360m² đất ở và 190,8m² đất vườn; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đỗ Văn Đ. Trên đất vợ chồng làm được 01 ngôi nhà khung gỗ lợp fibro xi măng, tường cay vôi khoảng 25m²; năm 2006 vợ chồng làm 01 ngôi nhà ở xây cay vôi, khung gỗ gác tường lợp fibro xi măng diện tích khoảng 36m²; tháng 2/2019 vợ chồng làm được nhà bếp + nhà vệ sinh tự hoại diện tích khoảng 21m². Nay đề nghị chia đôi tài sản chung vợ chồng như đã nêu trên; nhưng để anh Đ sở hữu toàn bộ đất ở, đất vườn, nhà ở, nhà ngang, nhà bếp + nhà vệ sinh, có trách nhiệm trả chị trị giá ½ bằng tiền. Ngoài ra chị không yêu cầu phân chia tài sản nào khác.

- **Bị đơn anh Đỗ Văn Đ**; Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Đ vẫn không phối kết hợp để làm việc.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày**: Bà có chồng là Đỗ Xuân H sinh năm 1952, hiện ông H bị tai biến liệt nửa người, hạn chế tiếp xúc từ khoảng năm 2013. Vợ chồng bà sinh được 3 người con là Đỗ Văn Đ sinh năm 1978, Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1980 và Đỗ Thị H, sinh năm 1983. Khoảng năm 1997 bà xây dựng gia đình cho anh Đ lấy chị P, vợ chồng ở chung cùng gia đình khoảng 1 năm thì gia đình cho vợ chồng ra ở riêng, tại một khu vườn trên đất ở của gia đình bà. Khi đó vợ chồng anh Đ xây được 3 gian nhà tạm khoảng 20m² để ở, sau đó vợ chồng xây dựng được các công trình tạm như hiện nay, đều xây cay lợp fibro xi măng. Bà không biết vợ chồng tự đi làm sổ bìa đỏ phần đất ở của vợ chồng từ khi nào. Khoảng cách đây 3 – 4 năm anh Đ có nói với bà là “phần đất trước cửa nhà con chưa vào sổ bìa đỏ của con” nên bà có nói lại mày làm sổ bìa đỏ từ khi nào sao không nói với bà, nay bà đề nghị Tòa án chia theo pháp luật phần đất mà vợ chồng đã được cấp sổ bìa đỏ, còn phần đất phía công vẫn thuộc sổ bìa đỏ của bà, bà cho đi nhờ qua.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị P có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm; đề nghị chia toàn bộ tài sản của vợ chồng gồm cả sân và tường bao như định giá; anh Đ vắng mặt, bà H vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị P có mặt, anh Đ và bà H đều vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử phân chia tài sản chung là đất ở, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất của chị P và anh Đ sau khi đã ly hôn, trên cơ sở chia bằng hiện vật, giao cho anh Đ được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, phân chênh lệch trích trả bằng tiền, có xem xét đến công sức đóng góp của mỗi bên vào việc hình thành, tôn tạo và phát triển khối tài sản đó; chị P, anh Đ phải chịu tiền chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc kỹ thuật số và án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn chị Đào Thị P, sinh năm 1979, Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Hiện cư trú: Thôn Đ, xã T nay là thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản sau khi ly hôn với anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị P yêu cầu phân chia đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất, như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, phạm vi khởi kiện là yêu cầu phân chia đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị P có mặt. Bị đơn anh Đ vắng mặt, người liên quan bà H vắng mặt mặc dù đã được thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 244/2019/QĐST-HNGĐ Ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị P và anh Đỗ Văn Đ; về tài sản chị P, anh Đ thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án đã không đề cập xem xét giải quyết. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn là đất ở + đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 51, diện tích 550,8m² (trong đó có 360m² đất thổ cư và 190,8m² đất trồng cây lâu năm) đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành 093383, ngày 07/6/2002 mang tên người sử dụng là hộ ông Đỗ Văn Đ, địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 12/3/2020 xác định, thửa đất về ranh giới, mốc giới thửa đất rõ ràng sử dụng ổn định, không tranh chấp. Diện tích 360m² đất thổ cư trị giá 223.200.000đ; 190,8m² đất trồng cây lâu năm trị giá 8.013.600đ; nhà ở cấp bốn loại 2 xây cay lợp fibro xi măng trị giá 20.100.000đ; nhà bếp loại B xây cay lợp fibro xi măng trị giá 16.656.600đ; nhà vệ sinh loại B xây cay lợp fibro xi măng trị giá 14.492.500đ; sân gạch lá nem trị giá 1.524.000đ; tường bao sân xây cay vôi trị giá 167.200đ; tường hoa xây cay vôi trị giá 202.000đ; tường cay vôi trị giá 1.335.400đ; 01 giếng khoan trị giá 2.730.000đ; 01 téc nước trị giá 500.000đ; cổng sắt trị giá 1.324.800đ. Nay chị P đề nghị được chia đôi giao anh Đ được sở hữu và sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất, anh Đ có trách nhiệm trích chia trả chị ½ trị giá bằng tiền. HĐXX xét thấy về phương thức đề nghị phân chia của chị P là phù hợp, giao cho anh Đ được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, phần chênh lệch sẽ được trích trả bằng tiền, có xem xét đến công sức đóng góp của mỗi bên vào việc hình thành, tôn tạo và phát triển khối tài sản đó.

Cụ thể chia như sau: Giao anh Đỗ Văn Đ được sử dụng thửa số 50, tờ bản đồ số 51, diện tích 550,8m² (trong đó có 360m² đất thổ cư và 190,8m² đất trồng cây lâu năm) đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành 093383, ngày 07/6/2002 mang tên người sử dụng là hộ ông Đỗ Văn Đ, địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Cùng các tài sản trên đất tổng trị giá 290.246.100đ (làm tròn số 290.246.000đ).

Anh Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trích chia trả chị Đào Thị P 100.000.000đ tiền phân chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] Về tiền chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc kỹ thuật số: Quá trình giải quyết vụ án chị P đã nộp 3.000.000đ để chi phí cho việc định giá tài sản và 12.250.000đ tiền chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số, hội đồng định giá tài sản UBND huyện và đơn vị đo đạc đã chi phí hết, nay mỗi bên đều phải chịu ½ tiền chi phí này. Do vậy nay cần buộc anh Đ phải hoàn trả chị P 7.625.000đ tiền chi phí định giá tài sản và tiền chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số.

[4] Về án phí: Chị P, anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33; 34; 59; 62 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Xử:

- Giao anh Đỗ Văn Đ được quyền sử dụng và sở hữu thửa đất số 50, tờ bản đồ số 51, diện tích 550,8m² (trong đó có 360m² đất thổ cư và 190,8m² đất trồng cây lâu năm) đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành 093383, ngày 07/6/2002 mang tên người sử dụng là hộ ông Đỗ Văn Đ, địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Cùng các tài sản trên đất gồm: Nhà ở cấp bốn loại 2 xây cay lợp fibro xi măng; nhà bếp loại B xây cay lợp fibro xi măng; nhà vệ sinh loại B xây cay lợp fibro xi măng; sân gạch lá nem; tường bao sân xây cay vôi; tường hoa xây cay vôi; tường xây cay vôi; 01 giếng khoan; 01 téc nước; cổng sắt. Tổng trị giá 290.246.000đ.

Anh Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trích chia trả chị Đào Thị P 100.000.000đ tiền phân chia tài sản sau khi ly hôn.

* Về chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số và án phí:

- Anh Đỗ Văn Đ phải hoàn trả chị Đào Thị P 7.625.000đ tiền chi phí định giá tài sản và tiền chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số.

- Chị Đào Thị P phải chịu 5.000.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 13.800.000đ tiền chị P đã nộp tạm ứng án phí, hoàn trả chị P 8.800.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002024 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

- Anh Đỗ Văn Đ phải chịu 9.512.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi xuất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt và niêm yết bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Thân Trọng Khôi